

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2018/HS-ST**
Ngày 11-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tổ**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Dũng**

Ông **Nguyễn Quang Chung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại Trung tâm văn hóa xã Phú Thanh, huyện T Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ ý số 45/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Ng - sinh năm 1973, tại Long An;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 6, xã Phú An, huyện T Phú, tỉnh Đồng Nai; Tạm trú: Thôn 6, xã Madaguoi, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Dũng (chết) và bà Ninh Thị Miều - sinh năm 1937, bị cáo là con út trong gia đình có 07 anh chị em (02 người đã chết); có vợ Lê Thị Sơn - sinh năm 1972, có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng 10 ngày tù về tội: “Đánh bạc”, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2015/HSST ngày 04 tháng 8 năm 2015; bị tạm giam từ ngày 04/4/2018 (có mặt).

- Người bị hại:

1. Anh **Đặng Huy H** - sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đa Tôn, xã T, huyện P, tỉnh N

2. Anh **Đình Quốc V** - sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thanh Trung, xã T, huyện P, tỉnh N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà **Phan Thị Nh** - sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thanh Trung, xã T, huyện P, tỉnh N

2. Bà **Nguyễn Thị Hoài V** (tên gọi khác: **Th**) - sinh năm 1985 (vắng mặt)

3. Ông **Nguyễn Đình H** - sinh năm 1966 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 534, Tổ 2, Khu 5, thị trấn T, huyện P, tỉnh N.

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Đặng Minh T** - sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đa Tôn, xã T, huyện P, tỉnh N

2. Ông **Huỳnh Thanh T** (tên gọi khác: **Phê**) - sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã C, huyện P, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Ng là người làm thuê và ở tại xưởng mộc của ông Đặng Huy H từ tháng 7/2017, thời gian sinh sống và làm việc ở đây, do Ng biết chơi đàn nên ông H tin tưởng nhiều lần cho Ng mượn đàn Organ Yamaha S700 và xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển số 60B3-235.36 làm phương tiện đi đánh nhạc đám cưới để kiếm thêm thu nhập.

Vào khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 15/01/2018, do xưởng mộc không có việc nên Ng gặp ông H hỏi mượn xe và đàn để đi đánh nhạc đám cưới, ông H nói xe phải vá lại mới đi được và bỏ đi, Ng vào nhà lấy xe và đàn của ông H ra khỏi nhà thì gặp Đặng Minh T (con ông H), Ng nói đi chơi nhạc đám cưới, T không nói gì. Sau đó Ng điều khiển xe mô tô biển số 60B3-235.36 cùng đàn Organ đến xã Tà Lài chơi nhạc đám cưới. Đến khoảng 14 giờ 00 phút, khi chơi nhạc xong, Ng chạy xe vào khu 6, thị trấn T Phú, tại đây Ng gặp một nhóm người đang đánh bạc dưới hình thức xóc tài xỉu được thua bằng tiền. Ng cùng vào tham gia đánh bạc với nhóm người trên và thua bạc hết số tiền khoảng 600.000đ. Do muốn gỡ lại số tiền thua bạc, Ng nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 60B3-235.36, để lấy tiền tiếp tục đánh bạc. Thực hiện ý định trên, Ng điện thoại cho Huỳnh Thanh T, nhờ Tâm mang xe mô tô biển số 60B3-235.36 đi cầm cố, T đồng ý. Ng đưa xe cùng đăng ký xe mô tô biển số 60B3-235.36 và giấy chứng minh nhân dân của Ng cho T, nói với T là tài sản hợp pháp của Ng. Sau đó, T cùng với Ng đến tiệm cầm đồ Phú Quý, do bà Nguyễn Thị Hoài V làm chủ, T nói xe là của Ng, có nguồn gốc rõ ràng và đề nghị cầm hết giá trị xe, tiệm cầm đồ Phú Quý tin tưởng và đồng ý cầm cố chiếc xe nói trên với số tiền 23.000.000đ. Sau

khi nhận được tiền từ việc cầm cố xe mô tô biển số 60B3-235.36, Ng cho T số tiền 400.000đ, số tiền còn lại 22.600.000đ Ng tiếp tục sử dụng vào việc đánh bạc và thua hết số tiền trên.

Đến khoảng 19 giờ 00 cùng ngày, Ng điện thoại cho anh Đinh Quốc V, là bạn cùng chơi nhạc với bị cáo, hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 60B3-400.02 để làm phương tiện, anh V đồng ý. Sau khi mượn được xe, Ng sử dụng xe để đi hỏi mượn tiền nhiều người nhưng không được nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh V. Đến 10 giờ 00 phút, ngày 16/01/2018, Ng tiếp tục điện thoại cho T, nhờ T cầm giữ xe mô tô biển số 60B3-400.02, Ng giao xe và đăng ký xe mô tô cho T, T mang đến tiệm cầm đồ Phú Quý cầm được số tiền 12.000.000đ. Tâm đưa tiền cho Ng, Ng tiếp tục sử dụng số tiền trên vào việc đánh bạc trái phép và thua hết số tiền trên.

Do không có tiền chuộc lại 02 xe mô tô, Ng bỏ trốn lên Thành phố Hồ Chí Minh và nhắn tin cho Đặng Minh T nói xe mô tô của ông H đã cầm cố tại tiệm cầm đồ Phú Quý, nhờ ông H đến chuộc xe sau đó Ng sẽ trả lại tiền sau. Quá trình bỏ trốn, do thiếu tiền tiêu xài, Ng đã bán cây đàn Organ của ông H cho một cửa hàng trên địa bàn quận Gò Vấp được số tiền 6.000.000đ.

Ngày 17/01/2018, ông H, anh V có đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Ng. Đến ngày 03/4/2018, khi về thăm nhà tại xã Madaguoi, huyện Đa Huoai thì bị Công an huyện T Phú phát hiện và mời về trụ sở làm việc, đến ngày 04/4/2018 bị bắt tạm giam.

Tại kết luận định giá tài sản số: 23/KL.HĐĐGTS ngày 15/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T Phú kết luận: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đỏ, trắng đen biển số 60B3-235.36 có giá trị 25.500.000đ; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đỏ biển số 60B3-400.02 có giá trị 12.600.000đ.

Tại kết luận định giá tài sản số: 37/KL.HĐĐGTS ngày 29/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T Phú kết luận: 01 (Một) cây đàn Yamaha Organ S700 màu trắng, đã qua sử dụng, có giá trị 4.500.000đ.

Tại bản Cáo trạng số: 42/CT-VKSTP-ĐN ngày 12 tháng 6 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện T Phú truy tố bị cáo Nguyễn Văn Ng về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ng mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù; về biện pháp tư pháp: đề nghị buộc bị cáo hoàn lại số tiền 35.000.000đ cho tiệm cầm đồ Phú Quý. Ngoài ra còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Ng phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Ng khai nhận hành vi như đã nêu trong bản Cáo trạng, bị cáo thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, tuy nhiên theo bị cáo mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là quá nặng so với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi của bị cáo gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo vì bị cáo hiện đang là lao động chính trong gia đình. Đối với số tiền 35.000.000đ bị cáo nhận được từ tiệm cầm đồ Phú Quý, bị cáo đồng ý hoàn lại số tiền trên cho tiệm cầm đồ.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Đình H khai, ông là chồng của bà Nguyễn Thị Hoài V (chủ tiệm cầm đồ Phú Quý), vào chiều ngày 15/01/2018, khi ông đang trông coi tiệm cầm đồ thì Huỳnh Thanh T có đến liên hệ cầm xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 60B3-235.36. Khi thực hiện giao dịch, T có đưa cho ông giấy đăng ký xe đứng tên Đặng Huy H và giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Văn Ng, khi hỏi nguồn gốc xe thì T nói với ông xe mang cầm cố là của Ng mua của người khác nhưng chưa làm thủ tục sang tên, T đề nghị cầm hết giá trị xe, ông đồng ý cầm cố xe mô tô nói trên với giá 23.000.000đ, ông giao tiền cho T và viết biên nhận cầm đồ giao cho T 01 bản, lưu tại tiệm cầm đồ 01 bản. Đến sáng ngày 16/01/2018, T và Ng tiếp tục đến tiệm cầm đồ, liên hệ cầm xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 60B3-400.02, T đưa cho ông H giấy đăng ký xe mô tô đứng tên Phan Thị Nh và nói xe mô tô của Ng, ông H đồng ý cầm cố xe với giá 12.000.000đ, ông giao tiền cho T và viết biên nhận cầm đồ giao cho T 01 bản, lưu tại tiệm cầm đồ 01 bản. Ông H xác định, quá trình cầm cố xe mô tô thì T và Ng đều cho biết, các xe mô tô là của Ng, việc Ng lấy xe của người khác cầm cố, không được sự đồng ý của chủ sở hữu, ông không biết. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 60B3-235.36 và xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 60B3-400.02 ông đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Vì vậy, nay ông yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Ng phải có nghĩa vụ hoàn lại cho tiệm cầm đồ Phú Quý số tiền 35.000.000đ.

Bị cáo nói lời sau cùng như sau: Thời gian tạm giam bị cáo ân hận về hành vi của mình, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Ng thành khẩn khai nhận, vào các ngày 15 và 16/01/2018, thông qua mối quan hệ quen biết, bị cáo đã mượn tài sản của ông Đặng Huy H và anh Đinh Quốc V, sau khi nhận được tài sản, bị cáo đã cầm cố và sử dụng số tiền cầm cố được để đưa vào đánh bạc trái phép, dẫn đến mất khả năng trả lại tài sản, hơn nữa sau khi thực hiện hành vi, bị cáo còn bỏ trốn nhằm trốn tránh việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Bằng hình thức trên, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Đặng Huy H 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đỏ, trắng đen biển số 60B3-235.36 có giá trị 25.500.000đ và 01 (một) cây đàn Yamaha Organ S700 màu trắng, đã qua sử dụng, có giá trị 4.500.000đ; chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đỏ biển số 60B3-400.02 có giá trị 12.600.00đ của anh Đinh Quốc V.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự; điều 175, khoản 1, điểm b quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng (...) thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: (...)

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.”

Khi thực hiện các hành vi nêu trên, bị cáo Ng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thấy trước hậu quả, đồng thời mong muốn chiếm đoạt được tài sản. Do đó, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 42/CT-VKSTP-ĐN ngày 12 tháng 6 năm 2018, truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi lợi dụng lòng tin của người khác để nhận được tài sản, sau đó thực hiện hành vi chiếm đoạt là vi phạm pháp luật, sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tư lợi, muốn nhanh chóng có được tài sản để sử dụng vào mục đích trái phép mà không phải bỏ công sức lao động nên đã cố ý phạm tội. Hành vi đó của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, làm mất lòng tin của người dân với nhau. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, cần có mức án đủ nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi của bị cáo gây ra, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm

cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 02 (hai) lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, ngày 04 tháng 8 năm 2015, bị cáo Ng bị Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai xử phạt 06 tháng 10 ngày tù về tội: “Đánh bạc” (hành vi đánh bạc dưới 5.000.000đ), mặc dù hành vi này đã được xóa án tích theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/NQ14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, nhưng từ đó cũng thấy rằng, bản thân bị cáo có nhân thân xấu, không thật sự chấp hành pháp luật.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ áp dụng cho bị cáo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho cáo tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự thể hiện sự khoan hồng của pháp luật với các lý do: Tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho các bị hại, bị hại Đặng Huy H không yêu cầu bồi thường thiệt hại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là lao động chính trong gia đình có 05 (năm) người con, con nhỏ nhất sinh năm 2015.

[6] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động chính, gia đình bị cáo có khó khăn về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển số 60B3-235.36 là tài sản hợp pháp của ông Đặng Huy H; xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 60B3-400.02 là tài sản của bà Phan Thị Nh (giao cho anh Đình Quốc V quản lý), các xe mô tô đều có giấy tờ chứng minh chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú đã trao trả cho chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp là phù hợp.

Đối với cây đàn Yamaha Organ S700 màu trắng là tài sản của ông Đặng Huy H, quá trình bỏ trốn do không có tiền tiêu xài nên bị cáo đã bán cho một cửa hàng trên địa bàn quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T Phú đã ban hành Thông báo truy tìm vật chứng nhưng chưa thu hồi được.

[8] Về biện pháp tư pháp:

Xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển số 60B3-235.36 và xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 60B3-400.02, các bị hại đã nhận lại và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Cây đàn Yamaha Organ S700 màu trắng, quá trình điều tra, ông H xác định, do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên ông không yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản này, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 35.000.000đ bị cáo nhận từ tiệm cầm đồ Phú Quý, liên quan đến giao dịch dân sự cầm cố tài sản được xác lập giữa bị cáo và tiệm cầm đồ Phú Quý (do bà Nguyễn Thị Hoài V đứng tên trên giấy đăng ký kinh doanh) theo các hợp đồng cầm cố vào ngày 15/01/2018 và ngày 16/01/2018. Quá trình điều tra, bị cáo khai khi giao kết hợp đồng, bị cáo đảm bảo các tài sản cầm cố là tài sản hợp pháp của bị cáo, có nguồn gốc rõ ràng, không phải là tài sản bị cáo chiếm đoạt của người khác, từ đó tiệm cầm đồ Phú Quý đồng ý giao kết hợp đồng. Giao dịch dân sự giữa các bên được giao kết do bị lừa dối nên vô hiệu, các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Các tài sản cầm cố đã được thu hồi trả cho bị hại, đối với số tiền bị cáo đã nhận, cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Hoài V là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và các điều 117, 122, 131, 309 và Điều 311 Bộ luật dân sự năm 2015.

[9] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Về các vấn đề khác:

Quá trình điều tra xác định, Huỳnh Thanh T khi mang 02 xe mô tô đi cầm cố và Nguyễn Đình H khi trực tiếp đứng ra cầm cố 02 xe mô tô đều không biết tài sản mà Ng mang cầm cố là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với hành vi đánh bạc trái phép của Nguyễn Văn Ng, hiện chưa xác định được Ng đánh bạc với ai, hình thức đánh bạc thế nào, số tiền đánh bạc là bao nhiêu, chỉ dựa vào lời khai của Ng chưa đủ cơ sở để chứng minh, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Các điều 117, 122, 131, 309 và Điều 311 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Các điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Ng phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ng **02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 04 tháng 4 năm 2018.

2. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Ng hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Hoài V (chủ hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Phú Quý) số tiền **35.000.000đ** (Ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Ng phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Đình H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại ông Đặng Huy H, anh Đình Quốc V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phan Thị Nh, bà Nguyễn Thị Hoài V được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T Phú;
- Công an nhân dân huyện T Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện T Phú;
- Bị cáo; các bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tổ